

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2023

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chiêu Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Khánh Long

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 20/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/3/2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị L (Đinh Thị L) sinh năm 1963; Địa chỉ: khóm C, phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Kim H, sinh năm 1960; Địa chỉ: khóm B, phường C, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2022 (BL01) cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đinh Thị L (Đinh Thị L) trình bày: Bà Đinh Thị L kết hôn với ông Kim H vào năm 1982, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới bà L và ông H chung sống tại nhà cha mẹ ruột của bà L, hiện Ny đã có nhà riêng và được cấp Sổ hộ khẩu gia đình riêng tại khóm C, phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu hai người sống với nhau hạnh phúc, nhưng dần dần phát hiện cả hai không đồng quan điểm, không hợp tính tình ông H sống không chung thủy, không có trách nhiệm với gia đình nên đã xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không giải tỏa được nên giữa hai người đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến Ny. Trong quá trình chung sống với nhau bà L và ông H đã có với

nhau 03 người con chung gồm Kim Ríth T (Nm) sinh năm 1983; Kim Ríth T1 (Nm) sinh năm 1985; Kim Thị Si N (Nữ) sinh năm 1988. Về nợ chung và tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu giải quyết nên không kê khai.

Ny bà Đinh Thị L (Đinh Thị L) yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân yêu cầu được ly hôn với ông Kim H. Về con chung: Đều đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận phân chia, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H, nhưng ông H không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà L, đồng thời ông H cũng không đến Tm gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông H; Về con chung: Các con chung của bà L đều đã thành niên nên không đặt ra xem xét giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông H, nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn bà Đinh Thị L (Đinh Thị L) yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Kim H. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị L nhận thấy hôn nhân của bà L và ông H là do cha mẹ sắp đặt, có tổ chức lễ cưới vào năm 1982, không có đi đăng ký kết hôn. Theo Nghị định số 8016/VBHN-BTP ngày 10/12/2013 có quy định trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước

ngày 03/01/1987 mà chưa đăng ký kết hôn thì được Nhà nước khuyến khích đăng ký kết hôn và tạo điều kiện thuận tiện cho đăng ký kết hôn. Từ sau ngày 01/01/2003 mà không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng. Quan hệ hôn nhân của bà L và ông H xác lập từ năm 1982 mặc dù không đăng ký kết hôn nhưng vẫn được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông H sống không chung thủy, không có trách nhiệm với gia đình nên thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau và hai người ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Bà L nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với ông H nên có nguyện vọng ly hôn. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên bà L suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông H, nhưng bà L vẫn cương quyết ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông H.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau bà L và ông H có 03 người con chung gồm Kim Ríth T (Nm) sinh năm 1983; Kim Ríth T1 (Nm) sinh năm 1985; Kim Thị Si N (Nữ) sinh năm 1988 hiện các con bà L và ông H đã thành niên và đã có gia đình riêng, bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L khẳng định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Bà L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên bà L được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị L (Đinh Thị L) đối với bị đơn ông Kim H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị L (Đinh Thị L) được ly hôn với ông Kim H.

- Về con chung: Gồm Kim Ríth T (Nm) sinh năm 1983; Kim Ríth T1 (Nm) sinh năm 1985; Kim Thị Si N (Nữ) sinh năm 1988 hiện đã thành niên, bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L khẳng định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Đinh Thị L (Đinh Thị L) phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, do bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí, nên bà L được miễn án phí. Bà Đinh Thị L (Đinh Thị L) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0004404, ngày 05/10/2022 của Chi cục T1 hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Ông Kim H không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&T);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục TDS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng

